

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1, NĂM HỌC 2022-2023
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC, HÌNH THỨC ĐÀO TẠO CHÍNH QUY

Lưu ý: mỗi ký tự của dãy 123456789012345...(trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ. Tuần 1 bắt đầu từ ngày 01/8/2022.

Ký tự "1" đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 1). Các ký tự 1 tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Stt	Mã HP	Tên HP	Nhóm HP	TC	Giảng viên	Lớp HP	Phòng	Thứ	Buổi	Tiết bắt đầu	Số tiết	Tuần
												123456789012345678901234
1	30331847	Thực tập tốt nghiệp	19-0201	3		19CTUD						—45678901234567890—
2	30371338	Khóa luận tốt nghiệp	19-0201	7		19CTUD						—45678901234567890—
3	30321361	Kiến tập sư phạm	19-0101	2		19ST1						—45678901234567890—
4	31121150	Đánh giá trong dạy học môn Toán	19-0101	2	Ngô Thị Bích Thuý	19ST1	B4-01	2	Sáng	4	2	—4567—1234567890—
5	31131027	Bất đẳng thức	19-0101	3	Nguyễn Duy Thái Sơn	19ST1	B3-103	5	Chiều	8	3	—4567—1234567890—
6	31131294	Hình học sơ cấp	19-0101	3	Nguyễn Thanh Hưng	19ST1	B3-101	3	Chiều	6	3	—4567—1234567890—
7	31131766	Thống kê toán	19-0101	3	Tôn Thất Tú	19ST1	B3-301	6	Tối	11	3	—4567—1234567890—
8	32021641	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục đào tạo	19-0101	2	Đinh Xuân Lâm	19ST1+	A5-403	2	Sáng	1	2	—4567—1234567890—
9	30321361	Kiến tập sư phạm	19-0102	2		19ST2						—4567—1234567890—
10	31121150	Đánh giá trong dạy học môn Toán	19-0102	2	Nguyễn Thị Hà Phương	19ST2	A1-101	2	Sáng	1	2	—4567—1234567890—
11	31131027	Bất đẳng thức	19-0102	3	Nguyễn Duy Thái Sơn	19ST2	B3-203	3	Chiều	8	3	—4567—1234567890—
12	31131294	Hình học sơ cấp	19-0102	3	Nguyễn Thanh Hưng	19ST2	B3-201	5	Tối	11	3	—4567—1234567890—
13	31131766	Thống kê toán	19-0102	3	Tôn Thất Tú	19ST2	A1-101	5	Sáng	1	3	—4567—1234567890—
14	32021641	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục đào tạo	19-0102	2	Đinh Xuân Lâm	19ST2+	B4-02	2	Sáng	3	2	—4567—1234567890—
15	30361847	Thực tập tốt nghiệp	18-0101	6		18CNTT					3	—45678901234567890—
16	30348047	Thực tập tốt nghiệp	01	4		18CNTTC					4	—45678901234567890—
17	31221638	Quản lý dự án phần mềm	19-0201	2	Nguyễn Đức Mận	19CNTT1	B3-101	4	Tối	11	2	—4567890—234567890—
18	31231065	An ninh mạng	19-0201	3	Lê Trần Đức	19CNTT1	B3-101	6	Sáng	1	3	—4567890—234567890—
19	31231352	Kiểm thử phần mềm	19-0201	3	Vũ Thị Trà	19CNTT1	A5-206	2	Chiều	6	3	—4567890—234567890—
20	31231538	Phân tích thiết kế hướng đối tượng	19-0201	3	Võ Đức Hoàng	19CNTT1	B3-203	5	Chiều	6	3	—4567890—234567890—
21	32021370	Kỹ năng giao tiếp	19-0201	2	Nguyễn Thị Bích Hạnh	19CNTT1	B3-505	5	Chiều	9	2	—4567890—234567890—

Stt	Mã HP	Tên HP	Nhóm HP	TC	Giảng viên	Lớp HP	Phòng	Thứ	Buổi	Tiết bắt đầu	Số tiết	Tuần
												123456789012345678901234
22	31221638	Quản lý dự án phần mềm	19-0202	2	Nguyễn Đức Mận	19CNTT2	B3-101	2	Tối	11	2	—4567890—234567890—
23	31231065	An ninh mạng	19-0202	3	Lê Trần Đức	19CNTT2	B3-103	6	Chiều	6	3	—4567890—234567890—
24	31231352	Kiểm thử phần mềm	19-0202	3	Nguyễn Thị Vui	19CNTT2	A5-207	7	Sáng	1	3	—4567890—234567890—
25	31231397	Lập trình JavaScript	19-0202	3	Trần Văn Đại	19CNTT2	A5-209	3	Chiều	6	3	—4567890—234567890—
26	31231538	Phân tích thiết kế hướng đối tượng	19-0202	3	Nguyễn Thị Hoa Huệ	19CNTT2	A5-206	7	Chiều	6	3	—4567890—234567890—
27	31228046	Đồ án chuyên ngành 2	19-0201	2	Khoa Tin học	19CNTTC					2	—45678901234567890—
28	31238043	Quản lý chất lượng phần mềm	19-0201	3	Vũ Thị Trà	19CNTTC	A5-404B	4	Chiều	6	3	—4567890—234567890—
29	31238044	Quản lý dự án phần mềm	19-0201	3	Đặng Hoài Phương	19CNTTC	A6-401	4	Sáng	1	3	—4567890—234567890—
30	31238065	An ninh mạng	19-0201	3	Lê Trần Đức	19CNTTC	A5-404B	7	Sáng	1	3	—4567890—234567890—
31	31221638	Quản lý dự án phần mềm	19-0203	2	Đặng Hoài Phương	19CNTTD	A5-304	5	Sáng	4	2	—4567890—234567890—
32	31231352	Kiểm thử phần mềm	19-0203	3	Nguyễn Thị Vui	19CNTTD	A5-207	7	Chiều	6	3	—4567890—234567890—
33	31231397	Lập trình JavaScript	19-0203	3	Trần Văn Đại	19CNTTD	A5-207	4	Chiều	6	3	—4567890—234567890—
34	31231401	Lập trình song song	19-0203	3	Nguyễn Đình Lầu	19CNTTD	A5-208	5	Sáng	1	3	—4567890—234567890—
35	31231538	Phân tích thiết kế hướng đối tượng	19-0203	3	Nguyễn Văn Vương	19CNTTD	B3-104	7	Sáng	1	3	—4567890—234567890—
36	30321361	Kiến tập sư phạm	19-0103	2		19SVL						—4567—1234567890—
37	31321476	Giới thiệu về Khoa học Vật liệu	19-0101	2	Nguyễn Quý Tuấn	19SVL	A5-408	2	Chiều	9	2	—4567—1234567890—
38	31321480	Thí nghiệm Vật lý phổ thông 2	19-0101	2	Phùng Việt Hải	19SVL	B3-208	5	Sáng	1	5	—4567—1234567890—
39	31321480	Thí nghiệm Vật lý phổ thông 2	19-0102	2	Trần Quỳnh	19SVL	B3-208	6	Sáng	1	5	—4567—1234567890—
40	31321494	Hoạt động trải nghiệm trong dạy học Vật lý	19-0101	2	Lê Thanh Huy	19SVL	A5-408	3	Chiều	6	3	—4567—1234567890—
41	31321519	Bài tập Vật lý phổ thông	19-0101	2	Trần Thị Hương Xuân	19SVL	A5-408	3	Sáng	1	2	—4567—1234567890—
42	31331794	Thực hành dạy học Vật lý	19-0101	3	Phùng Việt Hải	19SVL	A5-308	7	Chiều	6	3	—4567—1234567890—
43	32021373	Kỹ năng tham vấn học đường	19-0101	2	Nguyễn Thị Bích Hạnh	19SVL	A5-408	2	Sáng	4	2	—4567—1234567890—
44	32021641	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục đào tạo	19-0103	2	Đinh Xuân Lâm	19SVL+	B3-403	6	Chiều	6	2	—4567—1234567890—
45	31421302	Hóa dược 2	19-0201	2	Phan Thảo Thơ	19CHD	A1-201	3	Chiều	9	2	—45678901234567890—
46	31421303	Hóa học các chất phân tán	19-0201	2	Vũ Thị Duyên	19CHD	A1-201	4	Sáng	1	2	—45678901234567890—
47	31421332	Kháng sinh	19-0201	2	Đỗ Thị Thúy Vân	19CHD	A5-406	2	Chiều	6	2	—45678901234567890—

Stt	Mã HP	Tên HP	Nhóm HP	TC	Giảng viên	Lớp HP	Phòng	Thứ	Buổi	Tiết bắt đầu	Số tiết	Tuần
												123456789012345678901234
48	31421346	Kiểm nghiệm dược phẩm	19-0201	2	Trần Thị Ngọc Bích	19CHD	A1-201	5	Chiều	9	2	—45678901234567890—
49	31421743	Thí nghiệm hóa dược 2	19-0201	2	Nguyễn Văn Dìn	19CHD	D-202	7	Chiều	6	5	—45678901234567890—
50	31421744	Thí nghiệm kiểm nghiệm dược phẩm	19-0201	2	Nguyễn Văn Dìn	19CHD	D-202	2	Sáng	1	5	—45678901234567890—
51	31422131	Đại cương về thiết kế thuốc	19-0201	2	Nguyễn Trần Nguyên	19CHD	A1-201	3	Chiều	7	2	—45678901234567890—
52	31422137	Quản lý hoạt động sản xuất dược phẩm	19-0201	2	Trần Thị Ngọc Bích	19CHD	A1-201	6	Sáng	1	2	—45678901234567890—
53	30321361	Kiến tập sư phạm	19-0104	2		19SHH						—4567—1234567890—
54	31421015	Bài tập hóa học ở trung học phổ thông	19-0101	2	Bùi Ngọc Phương Châu	19SHH	A5-210	3	Sáng	4	2	—4567—1234567890—
55	31421053	Cấu trúc và phổ	19-0101	2	Nguyễn Trần Nguyên	19SHH	B3-302	4	Chiều	6	2	—4567—1234567890—
56	31421930	Ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy hóa học	19-0101	2	Bùi Ngọc Phương Châu	19SHH	A5-208	3	Sáng	1	2	—4567—1234567890—
57	31431067	Chuyên đề khoa học tự nhiên	19-0101	3	Bùi Ngọc Phương Châu	19SHH	B3-301	4	Sáng	1	3	—4567—1234567890—
58	31431791	Thực hành dạy học (tập giảng tại trường sư phạm)	19-0101	3	Nguyễn Thị Lan Anh	19SHH	B4-04	2	Chiều	6	3	—4567—1234567890—
59	31431791	Thực hành dạy học (tập giảng tại trường sư phạm)	19-0102	3	Nguyễn Thị Lan Anh	19SHH	A6-402	5	Chiều	6	3	—4567—1234567890—
60	32021355	Kiểm tra đánh giá trong giáo dục	19-0101	2	Lê Thị Hằng	19SHH	B4-02	6	Sáng	4	2	—4567—1234567890—
61	32021641	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục đào tạo	19-0104	2	Bùi Việt Phú	19SHH	B4-02	4	Chiều	9	2	—4567—1234567890—
62	30331847	Thực tập tốt nghiệp	19-0203	3		19CNSH						—4567—1234567890—
63	30331847	Thực tập tốt nghiệp	19-0202	3		19CTM						—4567—1234567890—
64	31521632	Quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại	19-0201	2	Phùng Khánh Chuyên	19CTM	B3-205	4	Chiều	9	2	—45678901234567890—
65	31531642	Quản lý hệ sinh thái đất ngập nước	19-0201	3	Đoạn Chí Cường	19CTM	A1-201	7	Chiều	6	3	—45678901234567890—
66	31531842	Biến đổi khí hậu	19-0201	3	Kiều Thị Kính	19CTM	A1-201	3	Sáng	1	3	—45678901234567890—
67	30321361	Kiến tập sư phạm	19-0106	2		19SAN						—4567—1234567890—
68	31622040	Công tác đoàn đội ở trường phổ thông	19-0101	2	Huỳnh Bọng	19SAN	A5-303	5	Sáng	4	2	—4567—1234567890—
69	31622068	Hát dân ca	19-0101	2	Nguyễn Thị Thu Phương	19SAN	B3-304	4	Chiều	6	4	—4567—1234567890—
70	31622071	Sáng tác ca khúc	19-0101	2	Trương Quang Minh Đức	19SAN	B3-204	6	Sáng	4	2	—4567—1234567890—
71	31622072	Múa cơ bản	19-0101	2	Khoa Giáo dục Nghệ thuật	19SAN	B7-01	2	Sáng	1	2	—4567—1234567890—
72	31622076	Kiểm tra đánh giá trong dạy học âm nhạc	19-0101	2	Lê Hưng Tiến	19SAN	B3-301	3	Sáng	4	2	—4567—1234567890—
73	31631526	Thực hành phương pháp dạy học âm nhạc 3	19-0101	3	Khoa Giáo dục Nghệ thuật	19SAN	C3.102	2	Chiều	6	3	—4567—1234567890—

Stt	Mã HP	Tên HP	Nhóm HP	TC	Giảng viên	Lớp HP	Phòng	Thứ	Buổi	Tiết bắt đầu	Số tiết	Tuần
												123456789012345678901234
74	33121252	Giáo dục giới tính và phương pháp giáo dục giới tính	19-0102	2	Trương Thị Thanh Mai	19SAN	B3-205	5	Sáng	1	3	—4567—1234567890—
75	30321361	Kiến tập sư phạm	19-0107	2		19SCD						—
76	31621238	Công tác phổ biến giáo dục pháp luật ở trường phổ thông	19-0101	2	Phan Thị Nhật Tài	19SCD	A6-504	3	Chiều	6	2	—4567—1234567890—
77	31621241	Kinh tế quốc tế	19-0101	2	Trần Phan Hiếu	19SCD	B3-405	6	Chiều	8	2	—4567—1234567890—
78	31621264	Tích hợp trong dạy học Giáo dục công dân	19-0101	2	Hồ Thanh Hải	19SCD	B3-404	5	Chiều	9	2	—4567—1234567890—
79	31622044	Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam	19-0101	2	Nguyễn Thị Hương	19SCD	A5-405	6	Sáng	2	2	—4567—1234567890—
80	31631269	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên	19-0101	3	Hồ Thanh Hải	19SCD	B3-505	5	Sáng	1	3	—4567—1234567890—
81	30321361	Kiến tập sư phạm	19-0105	2		19SGC						—
82	31621372	Thực hành phương pháp dạy học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	19-0101	2	Hồ Thanh Hải	19SGC	B3-105	2	Chiều	9	2	—4567—1234567890—
83	31622026	Lý luận về nhà nước pháp quyền và vấn đề xây dựng NNPQ XHCN Việt Nam	19-0101	2	Dương Đình Tùng	19SGC	B3-105	3	Sáng	4	2	—4567—1234567890—
84	31622171	Một số vấn đề mới về Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam hiện nay	19-0101	2	Nguyễn Hải Như	19SGC	B3-105	5	Chiều	9	2	—4567—1234567890—
85	31632029	Tác phẩm kinh điển của C.Mác, Ph.Ăngghen, V.I.Lênin	19-0101	3	Phạm Huy Thành	19SGC	B3-104	6	Chiều	6	4	—4567—1234567890—
86	31632046	Xây dựng Đảng	19-0101	3	Vương Thị Bích Thủy	19SGC	B3-105	7	Sáng	1	3	—4567—1234567890—
87	31721031	Biên tập sách báo	19-0201	2	Phạm Thị Hương	19CBC1	B3-104	2	Chiều	6	2	—45678901234567890—
88	31722091	Lao động nhà báo	19-0201	2	Khoa Ngữ văn	19CBC1	A5-408	4	Chiều	6	2	—45678901234567890—
89	31722099	Quảng cáo và kinh doanh báo chí	19-0201	2	Trần Thị Yến Minh	19CBC1	A5-408	5	Sáng	4	2	—45678901234567890—
90	30371338	Khóa luận tốt nghiệp	19-0205	7		19CBC2						—
91	31721031	Biên tập sách báo	19-0202	2	Phạm Thị Hương	19CBC2	A1-101	5	Chiều	9	2	—45678901234567890—
92	31722091	Lao động nhà báo	19-0202	2	Khoa Ngữ văn	19CBC2	B3-305	2	Chiều	9	2	—45678901234567890—
93	31722099	Quảng cáo và kinh doanh báo chí	19-0202	2	Trần Thị Yến Minh	19CBC2	A5-406	5	Sáng	2	2	—45678901234567890—
94	30371338	Khóa luận tốt nghiệp	19-0202	7		19CVH						—
95	31721061	Chữ Nôm	19-0202	2	Nguyễn Hoàng Thân	19CVH	A5-408	6	Sáng	1	2	—45678901234567890—
96	31721386	Ký văn học - ký báo chí	19-0201	2	Ngô Minh Hiền	19CVH	A1-101	4	Sáng	1	2	—45678901234567890—
97	31721489	Ngôn ngữ báo chí	19-0201	2	Bùi Trọng Ngoan	19CVH	B3-205	3	Chiều	9	2	—45678901234567890—
98	31731962	Văn học Mỹ - Mỹ la tinh	19-0201	3	Nguyễn Phương Khánh	19CVH	B3-304	5	Sáng	1	3	—45678901234567890—
99	31741289	Hệ thống thể loại và tác gia tiêu biểu văn học Việt Nam hiện đại 1945 đến nay	19-0201	4	Bùi Bích Hạnh	19CVH	A1-102	3	Sáng	1	4	—45678901234567890—

Stt	Mã HP	Tên HP	Nhóm HP	TC	Giảng viên	Lớp HP	Phòng	Thứ	Buổi	Tiết bắt đầu	Số tiết	Tuần
												123456789012345678901234
100	30371338	Khóa luận tốt nghiệp	19-0203	7		19CVHH						
101	31721023	Bảo tàng học	19-0201	2	Hoàng Thị Mai Sa	19CVHH	B3-304	4	Sáng	4	2	—45678901234567890—
102	31721629	Quản lý - khai thác di sản văn hoá	19-0201	2	Hoàng Thị Mai Sa	19CVHH	A5-401	5	Sáng	4	2	—45678901234567890—
103	31721643	Quản lý lễ hội và sự kiện	19-0201	2	Lê Đức Luận	19CVHH	A5-408	2	Chiều	6	2	—45678901234567890—
104	31722151	Hán Nôm chuyên ngành	19-0201	2	Nguyễn Hoàng Thân	19CVHH	B3-405	2	Sáng	1	2	—45678901234567890—
105	30321361	Kiến tập sư phạm	19-0108	2		19SNV						
106	30361338	Khóa luận tốt nghiệp	19-0101	6		19SNV						
107	31721061	Chữ Nôm	19-0101	2	Nguyễn Hoàng Thân	19SNV	A6-503	6	Sáng	4	2	—4567—1234567890—
108	31721151	Đánh giá trong dạy học Ngữ văn	19-0101	2	Hồ Trần Ngọc Oanh	19SNV	B4-01	6	Chiều	9	2	—4567—1234567890—
109	31731572	Phương pháp dạy học Ngữ Văn 2	19-0101	3	Hồ Trần Ngọc Oanh	19SNV	B4-01	6	Chiều	6	3	—4567—1234567890—
110	31731791	Thực hành dạy học (tập giảng tại trường sư phạm)	19-0101	3	Cao Thị Xuân Phượng	19SNV	A6-302	7	Sáng	1	3	—4567—1234567890—
111	31731791	Thực hành dạy học (tập giảng tại trường sư phạm)	19-0102	3	Cao Thị Xuân Phượng	19SNV	A5-408	5	Sáng	1	3	—4567—1234567890—
112	32021641	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục đào tạo	19-0105	2	Bùi Việt Phú	19SNV	A5-403	5	Chiều	9	2	—4567—1234567890—
113	31831193	Địa phương học	19-0201	3	Nguyễn Duy Phương	19CLS	B3-505	6	Chiều	6	3	—45678901234567890—
114	31831432	Luật pháp quốc tế	19-0201	3	Nguyễn Thị Hoài Thương	19CLS	B3-505	7	Sáng	1	3	—45678901234567890—
115	31621405	Lịch sử âm nhạc Việt Nam	19-0201	2	Hoàng Đình Phương	19CVNH1	B3-501	3	Sáng	1	2	—4567890123—567890—
116	31731879	Tiếp xúc văn hoá Đông – Tây ở Việt Nam	19-0201	3	Trương Anh Thuận	19CVNH1	A6-503	6	Sáng	1	3	—4567890123—567890—
117	31821661	Quy hoạch du lịch	19-0201	2	Phạm Thị Lắm	19CVNH1	B3-206	4	Chiều	9	2	—4567890123—567890—
118	31821898	Tổ chức sự kiện	19-0201	2	Khoa Lịch sử	19CVNH1					2	—45678901234567890—
119	31831409	Lịch sử kiến trúc Việt Nam	19-0201	3	Đàm Văn Thọ	19CVNH1	A6-503	5	Sáng	3	3	—4567890123—567890—
120	31921431	Luật du lịch	19-0201	2	Tăng Chánh Tín	19CVNH1	A5-303	2	Chiều	9	2	—4567890123—567890—
121	31621405	Lịch sử âm nhạc Việt Nam	19-0202	2	Hoàng Đình Phương	19CVNH2	B4-06	6	Sáng	2	2	—4567890123—567890—
122	31731879	Tiếp xúc văn hoá Đông – Tây ở Việt Nam	19-0202	3	Trương Anh Thuận	19CVNH2	B3-303	2	Tối	11	3	—4567890123—567890—
123	31821661	Quy hoạch du lịch	19-0202	2	Phạm Thị Lắm	19CVNH2	A6-403	4	Sáng	4	2	—4567890123—567890—
124	31821898	Tổ chức sự kiện	19-0202	2	Khoa Lịch sử	19CVNH2					2	—45678901234567890—
125	31921431	Luật du lịch	19-0202	2	Tăng Chánh Tín	19CVNH2	A5-305	3	Chiều	7	2	—4567890123—567890—

Stt	Mã HP	Tên HP	Nhóm HP	TC	Giảng viên	Lớp HP	Phòng	Thứ	Buổi	Tiết bắt đầu	Số tiết	Tuần
												123456789012345678901234
126	31628114	Lịch sử âm nhạc Việt Nam	19-0201	2	Hoàng Đình Phương	19CVNHC	A5-404A	6	Sáng	4	2	—4567890123—567890—
127	31738117	Tiếp xúc văn hoá Đông – Tây ở Việt Nam	19-0201	3	Trương Anh Thuận	19CVNHC	A6-401	2	Sáng	1	3	—4567890123—567890—
128	31828119	Quy hoạch du lịch	19-0201	2	Phạm Thị Lắm	19CVNHC	B3.402B	4	Chiều	7	2	—4567890123—567890—
129	31828145	Phát triển du lịch bền vững	19-0201	2	Trương Phước Minh	19CVNHC	A5-211	5	Chiều	9	2	—4567890123—567890—
130	31828157	Hệ thống chính trị và các văn bản pháp luật liên quan đến du lịch	19-0201	2	Tăng Chánh Tín	19CVNHC	A5-202	3	Chiều	9	2	—4567890123—567890—
131	30321361	Kiến tập sư phạm	19-0110	2		19SLD						—————
132	31821672	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Lịch sử và Địa lí ở trường phổ thông	19-0101	2	Đặng Thị Thùy Dương	19SLD	A5-201	2	Sáng	1	2	—4567—1234567890—
133	31831666	Đô thị thế giới - Việt Nam: Lịch sử và hiện tại	19-0101	3	Trương Anh Thuận	19SLD	B3.102B	3	Sáng	1	3	—4567—1234567890—
134	31921954	Văn hóa và kinh tế tộc người Việt Nam	19-0101	2	Nguyễn Thị Kim Thoa	19SLD	A1-101	6	Sáng	2	2	—4567—1234567890—
135	30321361	Kiến tập sư phạm	19-0109	2		19SLS						—————
136	31821604	Phương pháp nghiên cứu, biên soạn và giảng dạy Lịch sử địa phương	19-0101	2	Đặng Thị Thùy Dương	19SLS	B3-205	7	Sáng	4	2	—4567—1234567890—
137	31831030	Biến đổi kinh tế - xã hội Việt Nam trong thời kỳ đổi mới	19-0101	3	Nguyễn Minh Phương	19SLS	B3-205	2	Chiều	6	3	—4567—1234567890—
138	30331847	Thực tập tốt nghiệp	19-0204	3		19CDDL						—————
139	30361338	Khóa luận tốt nghiệp	19-0203	6		19CDDL						—————
140	31921867	Tiếng Anh chuyên ngành du lịch	19-0201	2	Trương Phước Minh	19CDDL	B3-102	7	Chiều	9	2	—45678901234567890—
141	31931220	Du lịch cộng đồng – Homestay	19-0201	3	Nguyễn Phú Thắng	19CDDL	B3-507	6	Sáng	3	3	—45678901234567890—
142	31931754	Thiết kế và điều hành chương trình du lịch	19-0201	3	Phạm Thị Minh Chính	19CDDL	A-301	4	Chiều	6	4	—45678901234567890—
143	30321361	Kiến tập sư phạm	19-0111	2		19SDL						—————
144	30361338	Khóa luận tốt nghiệp	19-0102	6		19SDL						—————
145	31931532	Phân tích chương trình địa lý (Phát triển CTGD)	19-0101	3	Nguyễn Văn Thái	19SDL	B3-507	3	Sáng	1	3	—4567—1234567890—
146	31931791	Thực hành dạy học (tập giảng tại trường sư phạm)	19-0101	3	Nguyễn Văn Thái	19SDL	B3.102B	3	Chiều	6	3	—4567—1234567890—
147	32021510	Nhập môn tâm lý trị liệu	19-0201	2	Nguyễn Thị Hồng Nhung	19CTL	B3-503	3	Chiều	9	2	—45678901234567890—
148	32021719	Tâm lý học giáo dục	19-0201	2	Hoàng Thế Hải	19CTL	B3-503	5	Chiều	9	2	—45678901234567890—
149	32021723	Tâm lý học pháp lý	19-0201	2	Nguyễn Thị Phương Trang	19CTL	B3-503	5	Sáng	4	2	—45678901234567890—
150	32031649	Quản lý nhân sự	19-0201	3	Trần Xuân Bách	19CTL	B3-503	5	Sáng	1	3	—45678901234567890—
151	32031727	Tâm lý học quản lý	19-0201	3	Lê Quang Sơn	19CTL	B3-503	5	Chiều	6	3	—45678901234567890—

Stt	Mã HP	Tên HP	Nhóm HP	TC	Giảng viên	Lớp HP	Phòng	Thứ	Buổi	Tiết bắt đầu	Số tiết	Tuần
												123456789012345678901234
152	32028091	Thực hành tham vấn trẻ em	19-0201	2	Nguyễn Thị Hồng Nhung	19CTLG	A1-201	5	Sáng	4	2	—45678901234567890—
153	32028092	Thực hành tham vấn cho thanh niên và người trưởng thành	19-0201	2	Nguyễn Thị Hằng Phương	19CTLG	A5-309	4	Sáng	1	2	—45678901234567890—
154	32028105	Tâm lý học pháp lý	19-0201	2	Nguyễn Thị Phương Trang	19CTLG	A5-404A	3	Chiều	7	2	—45678901234567890—
155	32038081	Tâm lý học giáo dục	19-0201	3	Hoàng Thế Hải	19CTLG	A5-404A	2	Chiều	8	3	—45678901234567890—
156	32038083	Tâm lý học gia đình	19-0201	3	Lê Thị Ngọc Lan	19CTLG	A5-404A	2	Sáng	1	3	—45678901234567890—
157	32038098	Thực hành các liệu pháp trị liệu tâm lý	19-0201	3	Nguyễn Thị Hồng Nhung	19CTLG	A1-201	5	Sáng	1	3	—45678901234567890—
158	32021730	Tâm lý học tệ nạn xã hội	19-0201	2		19CTXH	B3-105	2	Sáng	4	2	—45678901234567890—
159	32031115	Công tác xã hội trong bệnh viện	19-0201	3	Nguyễn Thị Hằng Phương	19CTXH	B3-404	2	Chiều	6	3	—45678901234567890—
160	32031122	Công tác xã hội với người khuyết tật	19-0201	3	Phạm Thị Kiều Duyên	19CTXH	B3-404	3	Chiều	6	3	—45678901234567890—
161	32031127	Công tác xã hội với trẻ em	19-0201	3	Lê Thị Lâm	19CTXH	B3-404	4	Chiều	6	3	—45678901234567890—
162	32031344	Kiểm huấn công tác xã hội	19-0201	3	Nguyễn Thị Hằng Phương	19CTXH	B3-404	4	Sáng	3	3	—45678901234567890—
163	32031659	Quản trị ngành công tác xã hội	19-0201	3	Trịnh Thị Nguyệt	19CTXH	B3-404	5	Sáng	1	3	—45678901234567890—
164	30321361	Kiến tập sư phạm	19-0112	2		19STH1						—4567—1234567890—
165	30361338	Khóa luận tốt nghiệp	01	6		19STH1						—4567—1234567890—
166	32021641	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục đào tạo	19-0106	2	Bùi Việt Phú	19STH1	B3-406	2	Sáng	3	2	—4567—1234567890—
167	32221262	Giáo dục môi trường cho học sinh tiểu học	19-0101	2	Trần Nguyễn Quỳnh Anh	19STH1	B3-406	4	Chiều	6	2	—4567—1234567890—
168	32221357	Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập ở tiểu học	19-0101	2	Hoàng Nam Hải	19STH1	B3-406	5	Sáng	1	2	—4567—1234567890—
169	32231890	Tổ chức hoạt động cảm thụ văn học cho học sinh tiểu học	19-0101	3	Lê Văn Trung	19STH1	B3-406	5	Sáng	3	3	—4567—1234567890—
170	30321361	Kiến tập sư phạm	19-0113	2		19STH2						—4567—1234567890—
171	32021641	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục đào tạo	19-0107	2	Lê Thị Duyên	19STH2	B3-406	5	Chiều	6	2	—4567—1234567890—
172	32221260	Giáo dục kỹ năng sống trong dạy học ở tiểu học	19-0102	2	Đoàn Thị Vân	19STH2	B3-406	6	Sáng	1	2	—4567—1234567890—
173	32221262	Giáo dục môi trường cho học sinh tiểu học	19-0102	2	Trần Nguyễn Quỳnh Anh	19STH2	B3-406	6	Sáng	4	2	—4567—1234567890—
174	32221357	Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập ở tiểu học	19-0102	2	Hoàng Nam Hải	19STH2	B3-406	6	Chiều	6	2	—4567—1234567890—
175	32231890	Tổ chức hoạt động cảm thụ văn học cho học sinh tiểu học	19-0102	3	Lê Văn Trung	19STH2	B3-406	6	Chiều	8	3	—4567—1234567890—
176	30321361	Kiến tập sư phạm	19-0114	2		19SMN						—4567—1234567890—
177	32021641	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục đào tạo	19-0108	2	Lê Thị Duyên	19SMN	B3-101	5	Chiều	9	2	—4567—1234567890—

Stt	Mã HP	Tên HP	Nhóm HP	TC	Giảng viên	Lớp HP	Phòng	Thứ	Buổi	Tiết bắt đầu	Số tiết	Tuần
												123456789012345678901234
178	32321697	Sử dụng âm nhạc trong giáo dục mầm non	19-0101	2	Tôn Nữ Diệu Hằng	19SMN	B3-401	6	Sáng	4	2	—4567—1234567890—
179	32331793	Thực hành dạy học tại trường	19-0101	3	Phan Thị Nga	19SMN	B4-06	4	Chiều	6	3	—4567—1234567890—
180	31131138	Đại số sơ cấp	20-0101	3	Nguyễn Thị Sinh	20ST1	B3-201	6	Chiều	6	3	—45678901—34567890—
181	31131539	Phân tích và phát triển chương trình	20-0101	3	Ngô Thị Bích Thuý	20ST1	B3-301	7	Chiều	6	3	—45678901—34567890—
182	31131579	Phương pháp giảng dạy bộ môn Toán	20-0101	3	Ngô Thị Bích Thuý	20ST1	B3-101	5	Tối	11	3	—45678901—34567890—
183	31141245	Giải tích hàm	20-0101	4	Lương Quốc Tuyển	20ST1	B3-206	5	Sáng	1	4	—45678901—34567890—
184	32021273	Giao tiếp sư phạm	20-0101	2	Hoàng Thế Hải	20ST1	A5-209	6	Sáng	4	2	—45678901—34567890—
185	32021820	Thực hành tâm lý giáo dục	20-0102	2	Bùi Văn Vân	20ST1	B3-506	6	Chiều	9	2	—45678901—34567890—
186	21221904	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	20-0101	2	Đinh Văn Trọng	20ST1+	A6-302	3	Chiều	7	2	—45678901—34567890—
187	31131138	Đại số sơ cấp	20-0102	3	Ngô Thị Bích Thuý	20ST2	B3-302	2	Tối	11	3	—45678901—34567890—
188	31131539	Phân tích và phát triển chương trình	20-0102	3	Ngô Thị Bích Thuý	20ST2	B4-01	2	Sáng	1	3	—45678901—34567890—
189	31131579	Phương pháp giảng dạy bộ môn Toán	20-0102	3	Ngô Thị Bích Thuý	20ST2	B3-203	6	Tối	11	3	—45678901—34567890—
190	31141245	Giải tích hàm	20-0102	4	Lương Quốc Tuyển	20ST2	A6-202	4	Chiều	6	4	—45678901—34567890—
191	32021273	Giao tiếp sư phạm	20-0102	2	Hoàng Thế Hải	20ST2	B3-402	3	Sáng	1	2	—45678901—34567890—
192	32021820	Thực hành tâm lý giáo dục	20-0103	2	Bùi Văn Vân	20ST2	B3-206	6	Sáng	4	2	—45678901—34567890—
193	31131138	Đại số sơ cấp	20-0103	3	Ngô Thị Bích Thuý	20ST3	B3-302	2	Chiều	6	3	—45678901—34567890—
194	31131539	Phân tích và phát triển chương trình	20-0103	3	Vũ Đình Chinh	20ST3	B3-203	5	Tối	11	3	—45678901—34567890—
195	31131579	Phương pháp giảng dạy bộ môn Toán	20-0103	3	Nguyễn Thanh Hưng	20ST3	B3-203	4	Tối	11	3	—45678901—34567890—
196	31141245	Giải tích hàm	20-0103	4	Lương Quốc Tuyển	20ST3	B3-306	7	Sáng	1	4	—45678901—34567890—
197	32021273	Giao tiếp sư phạm	20-0103	2	Hoàng Thế Hải	20ST3	B3-404	5	Sáng	4	2	—45678901—34567890—
198	32021820	Thực hành tâm lý giáo dục	20-0104	2	Bùi Văn Vân	20ST3	A6-503	4	Chiều	9	2	—45678901—34567890—
199	21221904	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	20-0102	2	Đinh Văn Trọng	20ST3+	A6-302	3	Chiều	9	2	—45678901—34567890—
200	31131138	Đại số sơ cấp	20-0104	3	Ngô Thị Bích Thuý	20ST4	B3-206	7	Sáng	1	3	—45678901—34567890—
201	31131539	Phân tích và phát triển chương trình	20-0104	3	Vũ Đình Chinh	20ST4	B3-101	3	Tối	11	3	—45678901—34567890—
202	31131579	Phương pháp giảng dạy bộ môn Toán	20-0104	3	Nguyễn Thanh Hưng	20ST4	B3-306	5	Sáng	1	3	—45678901—34567890—
203	31141245	Giải tích hàm	20-0104	4	Lương Quốc Tuyển	20ST4	A6-402	7	Chiều	6	4	—45678901—34567890—

Stt	Mã HP	Tên HP	Nhóm HP	TC	Giảng viên	Lớp HP	Phòng	Thứ	Buổi	Tiết bắt đầu	Số tiết	Tuần
												123456789012345678901234
204	32021273	Giao tiếp sư phạm	20-0104	2	Hoàng Thế Hải	20ST4	A6-202	7	Sáng	4	2	—45678901—34567890—
205	32021820	Thực hành tâm lý giáo dục	20-0105	2	Bùi Văn Vân	20ST4	B3-502	5	Sáng	4	2	—45678901—34567890—
206	31121101	Công nghệ phần mềm	20-0101	2	Vũ Thị Trà	20CNTT1	A5-207	4	Chiều	9	2	—4567890—34567890—
207	31221010	An toàn thông tin	20-0101	2	Đoàn Duy Bình	20CNTT1	A5-208	2	Chiều	6	2	—4567890—34567890—
208	31221207	Đồ án chuyên ngành	20-0101	2	Khoa Tin học	20CNTT1					2	—45678901—34567890—
209	31231398	Lập trình mạng	20-0101	3	Nguyễn Năng Hùng Văn	20CNTT1	B3-201	7	Sáng	1	3	—4567890—34567890—
210	31231755	Thiết kế và lập trình web	20-0101	3	Nguyễn Tấn Thuận	20CNTT1	B3-104	2	Chiều	8	3	—4567890—34567890—
211	31241283	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	20-0101	4	Nguyễn Trần Quốc Vinh	20CNTT1	C3.203	3	Sáng	1	4	—4567890—34567890—
212	21221904	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	20-0103	2	Đinh Văn Trọng	20CNTT1+	A6-302	4	Chiều	7	2	—4567890—34567890—
213	31121101	Công nghệ phần mềm	20-0102	2	Vũ Thị Trà	20CNTT2	A5-206	5	Sáng	3	2	—4567890—34567890—
214	31221010	An toàn thông tin	20-0102	2	Đoàn Duy Bình	20CNTT2	A5-208	2	Chiều	8	2	—4567890—34567890—
215	31221207	Đồ án chuyên ngành	20-0102	2	Khoa Tin học	20CNTT2					2	—45678901—34567890—
216	31231398	Lập trình mạng	20-0102	3	Lê Văn Mỹ	20CNTT2	A5-206	7	Sáng	1	3	—4567890—34567890—
217	31231755	Thiết kế và lập trình web	20-0102	3	Nguyễn Tấn Thuận	20CNTT2	A1-101	5	Chiều	6	3	—4567890—34567890—
218	31241283	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	20-0102	4	Phạm Dương Thu Hằng	20CNTT2	A5-207	2	Sáng	1	4	—4567890—34567890—
219	31121101	Công nghệ phần mềm	20-0103	2	Đặng Hoài Phương	20CNTT3	A5-206	4	Sáng	4	2	—4567890—34567890—
220	31221010	An toàn thông tin	20-0103	2	Đoàn Duy Bình	20CNTT3	A5-207	5	Chiều	9	2	—4567890—34567890—
221	31221207	Đồ án chuyên ngành	20-0103	2	Khoa Tin học	20CNTT3					2	—45678901—34567890—
222	31231398	Lập trình mạng	20-0103	3	Lê Văn Mỹ	20CNTT3	A5-207	3	Sáng	1	3	—4567890—34567890—
223	31231755	Thiết kế và lập trình web	20-0103	3	Nguyễn Tấn Thuận	20CNTT3	B3-405	4	Sáng	1	3	—4567890—34567890—
224	31241283	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	20-0103	4	Phạm Dương Thu Hằng	20CNTT3	C3.201	2	Chiều	6	4	—4567890—34567890—
225	21221904	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	20-0104	2	Đinh Văn Trọng	20CNTT3+	A6-302	4	Chiều	9	2	—4567890—34567890—
226	31228055	Điện toán đám mây	20-0101	2	Nguyễn Thế Xuân Ly	20CNTTC	A5-404B	6	Sáng	4	2	—4567890—34567890—
227	31228059	Web ngữ nghĩa	20-0101	2	Nguyễn Thị Hoa Huệ	20CNTTC	A5-404B	7	Chiều	9	2	—4567890—34567890—
228	31238032	Đồ họa máy tính	20-0101	3	Phạm Anh Phương	20CNTTC	A5-209	5	Sáng	1	3	—4567890—34567890—
229	31238037	Phân tích thiết kế hướng đối tượng	20-0101	3	Võ Đức Hoàng	20CNTTC	A5-202	3	Chiều	6	3	—4567890—34567890—

Stt	Mã HP	Tên HP	Nhóm HP	TC	Giảng viên	Lớp HP	Phòng	Thứ	Buổi	Tiết bắt đầu	Số tiết	Tuần
												123456789012345678901234
230	31238040	Lập trình di động	20-0101	3	Trần Thế Vũ	20CNTTC	A5-404B	6	Chiều	8	3	—4567890—34567890—
231	31238041	Công nghệ phần mềm	20-0101	3	Vũ Thị Trà	20CNTTC	A5-211	3	Sáng	1	3	—4567890—34567890—
232	31238052	Lập trình cơ sở dữ liệu	20-0101	3	Nguyễn Trần Quốc Vinh	20CNTTC	A5-404A	6	Sáng	1	3	—4567890—34567890—
233	21228904	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	20-0104	2	Đinh Văn Trọng	20CNTTC +	A5-404B	6	Chiều	6	2	—4567890—34567890—
234	31121101	Công nghệ phần mềm	20-0104	2	Đặng Hoài Phương	20CNTTD	A5-304	5	Sáng	2	2	—4567890—34567890—
235	31221010	An toàn thông tin	20-0104	2	Phan Phú Cường	20CNTTD	A1-201	2	Sáng	3	2	—4567890—34567890—
236	31221207	Đồ án chuyên ngành	20-0104	2	Khoa Tin học	20CNTTD					2	—45678901—34567890—
237	31231398	Lập trình mạng	20-0104	3	Lê Văn Mỹ	20CNTTD	A5-201	6	Sáng	1	3	—4567890—34567890—
238	31231755	Thiết kế và lập trình web	20-0104	3	Nguyễn Văn Vương	20CNTTD	B3-104	7	Chiều	6	3	—4567890—34567890—
239	31241283	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	20-0104	4	Phạm Dương Thu Hằng	20CNTTD	A5-209	3	Sáng	1	4	—4567890—34567890—
240	31321462	Điện động lực học	20-0101	2	Dụng Văn Lữ	20SVL	B3-301	6	Sáng	4	2	—45678901—34567890—
241	31321468	Thí nghiệm Dao động và Quang học	20-0101	2	Lê Vũ Trường Sơn	20SVL	B3-407	4	Sáng	1	5	—45678901—34567890—
242	31321468	Thí nghiệm Dao động và Quang học	20-0102	2	Lê Vũ Trường Sơn	20SVL	B3-407	5	Sáng	1	5	—45678901—34567890—
243	31321468	Thí nghiệm Dao động và Quang học	20-0103	2	Lê Vũ Trường Sơn	20SVL	B3-407	6	Chiều	6	5	—45678901—34567890—
244	31321591	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học (Vật lý)	20-0101	2	Nguyễn Bảo Hoàng Thanh	20SVL	A1-101	4	Chiều	6	2	—45678901—34567890—
245	31331070	Cơ học lượng tử	20-0101	3	Lê Văn Thanh Sơn	20SVL	B3-103	6	Tối	11	3	—45678901—34567890—
246	31331544	Phân tích và phát triển chương trình Vật lý phổ thông	20-0101	3	Phùng Việt Hải	20SVL	B3-301	2	Chiều	6	3	—45678901—34567890—
247	31411808	Thực hành phân tích công cụ	20-0101	1	Bùi Xuân Vững	20CHD	B2-203	2	Chiều	6	5	—45678901—34567890—
248	31421040	Các phương pháp phân tích công cụ	20-0101	2	Bùi Xuân Vững	20CHD	A1-204	3	Sáng	1	2	—45678901—34567890—
249	31421045	Các quá trình cơ bản tổng hợp hóa dược	20-0101	2	Đỗ Thị Thúy Vân	20CHD	B3-105	4	Chiều	9	2	—45678901—34567890—
250	31421053	Cấu trúc và phổ	20-0102	2	Nguyễn Trần Nguyên	20CHD	B3-504	6	Sáng	4	2	—45678901—34567890—
251	31421196	Điện hóa học	20-0101	2	Vũ Thị Duyên	20CHD	B3-504	5	Sáng	4	2	—45678901—34567890—
252	31421799	Thực hành hóa lí	20-0105	2	Đoàn Văn Dương	20CHD	D-203	2	Sáng	1	5	—45678901—34567890—
253	31422132	Hóa lí dược	20-0101	2	Mai Văn Bảy	20CHD	B3-504	7	Chiều	9	2	—45678901—34567890—
254	31422135	Hóa chất bảo vệ thực vật	20-0101	2	Trần Đức Mạnh	20CHD	B3-504	5	Chiều	9	2	—45678901—34567890—
255	31422139	Tin học ứng dụng trong hóa học	20-0101	2	Mai Văn Bảy	20CHD	C3.103	3	Sáng	4	2	—45678901—34567890—

Stt	Mã HP	Tên HP	Nhóm HP	TC	Giảng viên	Lớp HP	Phòng	Thứ	Buổi	Tiết bắt đầu	Số tiết	Tuần
												123456789012345678901234
256	31421303	Hóa học các chất phân tán	20-0102	2	Mai Văn Bảy	20SHH1	A5-406	7	Sáng	4	2	—45678901—34567890—
257	31421595	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học giáo dục Hóa học	20-0101	2	Nguyễn Thị Lan Anh	20SHH1	A1-204	5	Chiều	9	2	—45678901—34567890—
258	31421799	Thực hành hóa lí	20-0101	2	Vũ Thị Duyên	20SHH1	D-203	4	Chiều	6	5	—45678901—34567890—
259	31421799	Thực hành hóa lí	20-0102	2	Vũ Thị Duyên	20SHH1	D-203	3	Chiều	6	5	—45678901—34567890—
260	31421801	Thực hành hóa phân tích	20-0101	2	Nguyễn Thị Hường	20SHH1	D-201	5	Sáng	1	5	—45678901—34567890—
261	31421801	Thực hành hóa phân tích	20-0102	2	Nguyễn Thị Hường	20SHH1	D-201	3	Sáng	1	5	—45678901—34567890—
262	31421909	Tổng hợp các chất hữu cơ	20-0101	2	Đỗ Thị Thúy Vân	20SHH1	A5-401	2	Chiều	8	2	—45678901—34567890—
263	31441315	Hóa phân tích	20-0101	4	Bùi Xuân Vững	20SHH1	A5-401	4	Sáng	1	4	—45678901—34567890—
264	32021273	Giao tiếp sư phạm	20-0105	2	Bùi Thị Thanh Diệu	20SHH1	A1-102	6	Sáng	4	2	—45678901—34567890—
265	21221904	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	20-0105	2	Đỗ Thị Hằng Nga	20SHH1+	B3-202	5	Chiều	7	2	—45678901—34567890—
266	31421303	Hóa học các chất phân tán	20-0103	2	Mai Văn Bảy	20SHH2	A5-401	7	Chiều	7	2	—45678901—34567890—
267	31421595	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học giáo dục Hóa học	20-0102	2	Nguyễn Thị Lan Anh	20SHH2	A1-101	2	Chiều	9	2	—45678901—34567890—
268	31421799	Thực hành hóa lí	20-0103	2	Đoàn Văn Dương	20SHH2	D-203	3	Sáng	1	5	—45678901—34567890—
269	31421799	Thực hành hóa lí	20-0104	2	Đoàn Văn Dương	20SHH2	D-203	4	Sáng	1	5	—45678901—34567890—
270	31421801	Thực hành hóa phân tích	20-0103	2	Bùi Xuân Vững	20SHH2	D-201	3	Chiều	6	5	—45678901—34567890—
271	31421801	Thực hành hóa phân tích	20-0104	2	Lê Thị Tuyết Anh	20SHH2	D-201	6	Chiều	6	5	—45678901—34567890—
272	31421909	Tổng hợp các chất hữu cơ	20-0102	2	Đỗ Thị Thúy Vân	20SHH2	A5-406	4	Chiều	7	2	—45678901—34567890—
273	31441315	Hóa phân tích	20-0102	4	Nguyễn Thị Hường	20SHH2	B3-104	2	Sáng	1	4	—45678901—34567890—
274	32021273	Giao tiếp sư phạm	20-0106	2	Bùi Thị Thanh Diệu	20SHH2	A5-306	2	Chiều	6	2	—45678901—34567890—
275	31332242	Phân tích và phát triển chương trình Khoa học Tự nhiên	20-0101	3	Trương Thị Thanh Mai	20SKT	B4-04	4	Chiều	6	3	—45678901—34567890—
276	31432245	Phương pháp dạy học Khoa học tự nhiên	20-0101	3	Nguyễn Thị Lan Anh	20SKT	B3-305	3	Chiều	6	3	—45678901—34567890—
277	31442233	Hóa học Hữu cơ	20-0101	4	Trần Đức Mạnh	20SKT	B3-305	6	Chiều	6	4	—45678901—34567890—
278	31522240	Thí nghiệm sinh học Động vật	20-0101	2	Nguyễn Thị Tường Vi	20SKT	B2-308	6	Sáng	1	5	—45678901—34567890—
279	31542237	Sinh học động vật	20-0101	4	Nguyễn Thị Tường Vi	20SKT	B3-505	3	Sáng	1	4	—45678901—34567890—
280	21221904	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	20-0107	2	Đỗ Thị Hằng Nga	20SKT+	B3-202	5	Chiều	9	2	—45678901—34567890—
281	31521032	Tin sinh học	20-0101	2	Nguyễn Minh Lý	20CNSH	B3.102B	4	Sáng	4	2	—45678901—34567890—

Stt	Mã HP	Tên HP	Nhóm HP	TC	Giảng viên	Lớp HP	Phòng	Thứ	Buổi	Tiết bắt đầu	Số tiết	Tuần
												123456789012345678901234
282	31521104	Công nghệ sinh học được liệu	20-0101	2	Võ Châu Tuấn	20CNSH	B3.102B	3	Sáng	4	2	—45678901—34567890—
283	31521149	Thực tập kỹ năng về Công nghệ sinh học	20-0101	2	Phạm Thị Mỹ	20CNSH					4	—45678901—34567890—
284	31521786	Thực hành công nghệ sinh học thực vật	20-0101	2	Vũ Đức Hoàng	20CNSH	B2-103	2	Sáng	1	5	—45678901—34567890—
285	31522150	Thực hành công nghệ sinh học được liệu	20-0101	2	Vũ Đức Hoàng	20CNSH	B2-103	3	Chiều	6	5	—45678901—34567890—
286	31531103	Công nghệ sinh học động vật	20-0101	3	Bùi Thị Thơ	20CNSH	B3.102B	6	Chiều	6	3	—45678901—34567890—
287	31531108	Công nghệ sinh học thực vật	20-0101	3	Võ Châu Tuấn	20CNSH	B3.102B	6	Sáng	3	3	—45678901—34567890—
288	21221904	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	20-0108	2	Từ Ánh Nguyệt	20CNSH+	B3-202	6	Sáng	1	2	—45678901—34567890—
289	31521651	Quản lý tài nguyên nước	20-0101	2	Nguyễn Thị Tường Vi	20CTM	B3.102B	3	Chiều	9	2	—45678901—34567890—
290	31522154	Sinh vật phù du trong quan trắc môi trường	20-0101	2	Trịnh Đăng Mậu	20CTM	B3.102B	2	Sáng	4	2	—45678901—34567890—
291	31522158	Kiểm soát ô nhiễm môi trường nước	20-0101	2	Đoạn Chí Cường	20CTM	B3.102B	2	Chiều	9	2	—45678901—34567890—
292	31531100	Công nghệ môi trường	20-0101	3	Đoạn Chí Cường	20CTM	B3.102B	2	Sáng	1	3	—45678901—34567890—
293	31531145	Đánh giá môi trường	20-0101	3	Võ Văn Minh	20CTM	B3.102B	4	Sáng	1	3	—45678901—34567890—
294	31531367	Kinh tế môi trường	20-0101	3	Phùng Khánh Chuyên	20CTM	B3.102B	4	Chiều	6	3	—45678901—34567890—
295	31531652	Quản lý tổng hợp vùng bờ	20-0101	3	Nguyễn Thị Tường Vi	20CTM	B3.102B	5	Sáng	1	3	—45678901—34567890—
296	21221904	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	20-0112	2	Nguyễn Hải Như	20CTM+	B3-402	3	Sáng	3	2	—45678901—34567890—
297	31521205	Kỹ thuật trồng hoa, cây cảnh	20-0101	2	Bùi Thị Thơ	20SS	A5-405	2	Chiều	8	3	—45678901—34567890—
298	31521353	Kiểm tra đánh giá trong dạy học Sinh học	20-0101	2	Nguyễn Thị Hải Yến	20SS	A5-405	2	Sáng	1	2	—45678901—34567890—
299	31521540	Phân tích và Phát triển chương trình dạy học Sinh học	20-0101	2	Trương Thị Thanh Mai	20SS	A5-405	2	Chiều	6	2	—45678901—34567890—
300	31521584	Phương pháp luận NCKH (KH Sinh học và GD Sinh học)	20-0101	2	Nguyễn Thị Hải Yến	20SS	A5-405	2	Sáng	3	2	—45678901—34567890—
301	31531227	Giáo dục môi trường và phát triển bền vững	20-0101	3	Kiều Thị Kính	20SS	A5-405	4	Sáng	1	4	—45678901—34567890—
302	31531503	Nhập môn công nghệ sinh học	20-0101	3	Võ Châu Tuấn	20SS	A5-405	3	Chiều	7	4	—45678901—34567890—
303	31541573	Phương pháp dạy học Sinh học	20-0101	4	Trương Thị Thanh Mai	20SS	A5-405	3	Sáng	2	4	—45678901—34567890—
304	21221904	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	20-0109	2	Từ Ánh Nguyệt	20SS+	B3-202	6	Sáng	3	2	—45678901—34567890—
305	31621521	Kỹ năng biểu diễn thanh nhạc	20-0101	2	Nguyễn Hoàng Tịnh Uyên	20SAN	B3-304	2	Sáng	1	4	—45678901—34567890—
306	31621524	Thực hành phương pháp dạy học âm nhạc 1	20-0101	2	Nguyễn Hoàng Tịnh Uyên	20SAN	C3.102	4	Sáng	4	2	—45678901—34567890—
307	31621527	Tích hợp trong dạy học âm nhạc	20-0101	2	Khoa Giáo dục Nghệ thuật	20SAN	B3-204	7	Sáng	4	2	—45678901—34567890—

Stt	Mã HP	Tên HP	Nhóm HP	TC	Giảng viên	Lớp HP	Phòng	Thứ	Buổi	Tiết bắt đầu	Số tiết	Tuần
												123456789012345678901234
308	31622056	Hòa âm ứng dụng 2	20-0101	2	Hoàng Đình Phương	20SAN	B3-204	6	Chiều	9	2	—45678901—34567890—
309	31622057	Phân tích tác phẩm âm nhạc 1	20-0101	2	Nguyễn Văn Hiếu	20SAN	B3-104	6	Sáng	4	2	—45678901—34567890—
310	31622082	Âm nhạc truyền thống Việt Nam	20-0101	2	Hoàng Đình Phương	20SAN	B3-204	3	Chiều	9	2	—45678901—34567890—
311	31632062	Nhạc cụ phím điện tử 4	20-0101	3	Nguyễn Văn Hiếu	20SAN	C3.101	4	Sáng	1	3	—45678901—34567890—
312	31632062	Nhạc cụ phím điện tử 4	20-0102	3	Nguyễn Văn Hiếu	20SAN	C3.101	6	Sáng	1	3	—45678901—34567890—
313	31632062	Nhạc cụ phím điện tử 4	20-0103	3	Nguyễn Văn Hiếu	20SAN	C3.101	3	Sáng	1	3	—45678901—34567890—
314	32021373	Kỹ năng tham vấn học đường	20-0102	2	Nguyễn Thị Bích Hạnh	20SAN	B3-405	5	Chiều	6	2	—45678901—34567890—
315	21221904	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	20-0117	2	Nguyễn Hải Như	20SAN+	B3-202	5	Sáng	3	2	—45678901—34567890—
316	31621284	Một số vấn đề dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam hiện nay	20-0101	2	Dương Đình Tùng	20SCD	B3-104	5	Sáng	4	2	—45678901—34567890—
317	31622015	Giáo dục gia đình	20-0101	2	Nguyễn Thị Hương	20SCD	B3-405	5	Sáng	1	2	—45678901—34567890—
318	31622038	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học chuyên ngành	20-0102	2	Trần Văn Hưng	20SCD	A5-304	3	Chiều	9	2	—45678901—34567890—
319	31631239	Tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp trong dạy học Giáo dục công dân	20-0101	3	Hồ Thanh Hải	20SCD	B3-205	4	Chiều	6	3	—45678901—34567890—
320	31631691	Thực hành phương pháp dạy học Giáo dục công dân 1	20-0101	3	Đinh Thị Phượng	20SCD	B3-205	7	Chiều	6	3	—45678901—34567890—
321	31642014	Đạo đức học	20-0101	4	Đinh Thị Phượng	20SCD	B3-205	6	Chiều	6	4	—45678901—34567890—
322	31621329	Thực hành phương pháp dạy học Chủ nghĩa xã hội khoa học	20-0101	2	Hồ Thanh Hải	20SGC	B3-205	5	Sáng	4	2	—45678901—34567890—
323	31621922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	20-0101	2	Nguyễn Duy Quý	20SGC	B3-205	4	Sáng	4	2	—45678901—34567890—
324	31622038	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học chuyên ngành	20-0101	2	Trần Văn Hưng	20SGC	A5-304	5	Chiều	9	2	—45678901—34567890—
325	31622168	Học thuyết kinh tế chủ nghĩa Mác-Lênin	20-0101	2	Trần Phan Hiếu	20SGC	B3-405	6	Sáng	1	2	—45678901—34567890—
326	31622169	Một số vấn đề lý luận Chủ nghĩa xã hội khoa học trong giai đoạn hiện nay	20-0101	2	Vương Thị Bích Thủy	20SGC	B3-205	2	Chiều	9	2	—45678901—34567890—
327	31631328	Thực hành phương pháp dạy học Kinh tế chính trị Mác – Lênin	20-0101	3	Hồ Thanh Hải	20SGC	B3-105	3	Sáng	1	3	—45678901—34567890—
328	31632008	Chính trị học	20-0101	3	Nguyễn Duy Quý	20SGC	B3-105	2	Chiều	6	3	—45678901—34567890—
329	31721091	Cơ sở văn hóa Việt Nam	20-0101	2	Đàm Nghĩa Hiếu	20SGC	B3-304	6	Chiều	9	2	—45678901—34567890—
330	31721495	Ngữ dụng học	20-0106	2	Trịnh Quỳnh Đồng Nghi	20CBC1	A1-204	7	Chiều	9	2	—45678901—34567890—
331	31721879	Tiếp xúc văn hoá Đông – Tây ở Việt Nam	20-0101	2	Phạm Thị Thu Hương	20CBC1	A1-102	4	Chiều	6	2	—45678901—34567890—
332	31722095	Nhập môn báo mạng điện tử	20-0101	2	Đặng Hồng Cam Vũ	20CBC1	A1-102	2	Sáng	4	2	—45678901—34567890—
333	31722108	Phóng sự	20-0101	2	Cao Thị Xuân Phượng	20CBC1	A1-102	4	Sáng	2	2	—45678901—34567890—

Stt	Mã HP	Tên HP	Nhóm HP	TC	Giảng viên	Lớp HP	Phòng	Thứ	Buổi	Tiết bắt đầu	Số tiết	Tuần
												123456789012345678901234
334	31722109	Điều tra	20-0101	2	Cao Thị Xuân Phụng	20CBC1	B3-305	3	Sáng	2	2	—45678901—34567890—
335	31722113	Kịch bản và biên tập truyền hình	20-0101	2	Trần Thị Ngọc Hà	20CBC1	A1-204	6	Sáng	4	2	—45678901—34567890—
336	31722115	Kịch bản và biên tập phát thanh	20-0101	2	Trần Thị Tuyết	20CBC1	B3-505	4	Sáng	4	2	—45678901—34567890—
337	31732114	Sản xuất chương trình truyền hình	20-0101	3	Trần Thị Yến Minh	20CBC1	B3-205	2	Sáng	1	3	—45678901—34567890—
338	31732116	Sản xuất chương trình phát thanh	20-0101	3	Trần Thị Tuyết	20CBC1	A1-102	5	Chiều	6	3	—45678901—34567890—
339	31721495	Ngữ dụng học	20-0107	2	Trịnh Quỳnh Đông Nghi	20CBC2	B3-204	2	Chiều	6	2	—45678901—34567890—
340	31721879	Tiếp xúc văn hoá Đông – Tây ở Việt Nam	20-0102	2	Phạm Thị Thu Hương	20CBC2	B3-204	3	Sáng	1	2	—45678901—34567890—
341	31722095	Nhập môn báo mạng điện tử	20-0102	2	Đặng Hồng Cam Vũ	20CBC2	B3-204	2	Sáng	1	2	—45678901—34567890—
342	31722108	Phóng sự	20-0102	2	Cao Thị Xuân Phụng	20CBC2	B3-305	2	Sáng	3	2	—45678901—34567890—
343	31722109	Điều tra	20-0102	2	Cao Thị Xuân Phụng	20CBC2	A6-302	6	Sáng	3	2	—45678901—34567890—
344	31722113	Kịch bản và biên tập truyền hình	20-0102	2	Trần Thị Ngọc Hà	20CBC2	B3-205	4	Sáng	2	2	—45678901—34567890—
345	31722115	Kịch bản và biên tập phát thanh	20-0102	2	Trần Thị Tuyết	20CBC2	B3-304	7	Sáng	4	2	—45678901—34567890—
346	31722121	Kĩ năng dẫn chương trình	20-0102	2	Lê Văn Trúc Ly	20CBC2	A1-204	4	Sáng	4	2	—45678901—34567890—
347	31732114	Sản xuất chương trình truyền hình	20-0102	3	Trần Thị Yến Minh	20CBC2	B3-204	3	Sáng	3	3	—45678901—34567890—
348	31732116	Sản xuất chương trình phát thanh	20-0102	3	Trần Thị Tuyết	20CBC2	B3-204	3	Chiều	6	3	—45678901—34567890—
349	31721495	Ngữ dụng học	20-0108	2	Trịnh Quỳnh Đông Nghi	20CBC3	A5-408	6	Chiều	8	2	—45678901—34567890—
350	31721879	Tiếp xúc văn hoá Đông – Tây ở Việt Nam	20-0103	2	Phạm Thị Thu Hương	20CBC3	B4-03	2	Sáng	3	2	—45678901—34567890—
351	31722095	Nhập môn báo mạng điện tử	20-0103	2	Đặng Hồng Cam Vũ	20CBC3	A5-408	6	Chiều	6	2	—45678901—34567890—
352	31722108	Phóng sự	20-0103	2	Cao Thị Xuân Phụng	20CBC3	B3-305	2	Sáng	1	2	—45678901—34567890—
353	31722109	Điều tra	20-0103	2	Cao Thị Xuân Phụng	20CBC3	B3-305	3	Sáng	4	2	—45678901—34567890—
354	31722113	Kịch bản và biên tập truyền hình	20-0103	2	Trần Thị Ngọc Hà	20CBC3	A5-408	5	Chiều	6	2	—45678901—34567890—
355	31722115	Kịch bản và biên tập phát thanh	20-0103	2	Trần Thị Tuyết	20CBC3	A1-101	7	Sáng	2	2	—45678901—34567890—
356	31722121	Kĩ năng dẫn chương trình	20-0103	2	Lê Văn Trúc Ly	20CBC3	A5-408	5	Chiều	8	2	—45678901—34567890—
357	31732114	Sản xuất chương trình truyền hình	20-0103	3	Trần Thị Yến Minh	20CBC3	B3-304	2	Chiều	8	3	—45678901—34567890—
358	31732116	Sản xuất chương trình phát thanh	20-0103	3	Trần Thị Tuyết	20CBC3	B4-03	3	Sáng	1	3	—45678901—34567890—
359	31728123	Nhập môn báo mạng điện tử	20-0101	2	Đặng Hồng Cam Vũ	20CBCC	A5-211	6	Chiều	9	2	—45678901—34567890—

Stt	Mã HP	Tên HP	Nhóm HP	TC	Giảng viên	Lớp HP	Phòng	Thứ	Buổi	Tiết bắt đầu	Số tiết	Tuần
												123456789012345678901234
360	31728136	Phóng sự	20-0101	2	Cao Thị Xuân Phụng	20CBCC	A6-401	4	Sáng	4	2	—45678901—34567890—
361	31728137	Điều tra	20-0101	2	Cao Thị Xuân Phụng	20CBCC	A6-401	6	Sáng	1	2	—45678901—34567890—
362	31728141	Kịch bản và biên tập truyền hình	20-0101	2	Trần Thị Ngọc Hà	20CBCC	A5-404B	2	Chiều	6	2	—45678901—34567890—
363	31728143	Kịch bản và biên tập phát thanh	20-0101	2	Trần Thị Tuyết	20CBCC	A5-211	4	Chiều	7	2	—45678901—34567890—
364	31728152	Kĩ năng dẫn chương trình	20-0101	2	Tạ Tuấn Anh	20CBCC	A5-202	7	Sáng	1	2	—45678901—34567890—
365	31728164	Tiếp xúc văn hoá Đông – Tây ở Việt Nam	20-0101	2	Phạm Thị Thu Hương	20CBCC	A5-211	3	Sáng	4	2	—45678901—34567890—
366	31738142	Sản xuất chương trình truyền hình	20-0101	3	Trần Thị Yến Minh	20CBCC	A5-404B	4	Sáng	1	3	—45678901—34567890—
367	31738144	Sản xuất chương trình phát thanh	20-0101	3	Trần Thị Tuyết	20CBCC	A6-401	6	Sáng	3	3	—45678901—34567890—
368	31721038	Các phạm trù văn hóa trong văn học trung đại Việt Nam	20-0101	2	Nguyễn Quang Huy	20CVH	A1-201	7	Chiều	9	2	—45678901—34567890—
369	31721143	Dẫn luận văn học Việt Nam hiện đại từ 1900 đến nay	20-0101	2	Bùi Bích Hạnh	20CVH	A1-102	4	Sáng	4	2	—45678901—34567890—
370	31721495	Ngữ dụng học	20-0105	2	Trịnh Quỳnh Đông Nghi	20CVH	B3-305	7	Chiều	7	2	—45678901—34567890—
371	31721562	Phương ngữ học	20-0101	2	Trần Văn Sáng	20CVH	B3-504	2	Chiều	9	2	—45678901—34567890—
372	31721878	Tiếp nhận văn học	20-0101	2	Nguyễn Thanh Trường	20CVH	A5-406	4	Sáng	1	2	—45678901—34567890—
373	31721937	Văn bản Hán văn Việt Nam	20-0101	2	Nguyễn Hoàng Thân	20CVH	B3-204	2	Sáng	3	2	—45678901—34567890—
374	31721963	Văn học Nhật Bản	20-0101	2	Nguyễn Phương Khánh	20CVH	B3-504	3	Sáng	4	2	—45678901—34567890—
375	31741966	Văn học Tây Âu từ Phục hưng đến nay	20-0101	4	Vũ Thường Linh	20CVH	B3-305	4	Chiều	6	4	—45678901—34567890—
376	21221904	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	20-0110	2	Nguyễn Hải Như	20CVH+	A6-402	3	Sáng	1	2	—45678901—34567890—
377	31721165	Di tích và danh thắng Việt Nam	20-0101	2	Nguyễn Hoàng Thân	20CVHH	B3-404	6	Chiều	9	2	—45678901—34567890—
378	31721648	Quản lý Nhà nước về văn hóa	20-0101	2	Phạm Thị Tú Trinh	20CVHH	B3-204	4	Sáng	4	2	—45678901—34567890—
379	31721948	Văn hóa làng xã Việt Nam	20-0101	2	Phạm Thị Tú Trinh	20CVHH	B3-305	5	Chiều	9	2	—45678901—34567890—
380	31731048	Các vùng văn hóa và văn hóa tộc người Việt Nam	20-0101	3	Nguyễn Hoàng Thân	20CVHH	B3-405	2	Chiều	6	3	—45678901—34567890—
381	31732153	Hán văn cơ sở	20-0101	3	Hoàng Hoài Thương	20CVHH	B3-405	3	Sáng	1	3	—45678901—34567890—
382	31831561	Phong tục, tập quán, lễ hội Việt Nam	20-0101	3	Lê Đức Luận	20CVHH	B3-505	7	Chiều	6	3	—45678901—34567890—
383	31831888	Tín ngưỡng và các tôn giáo ở Việt Nam	20-0101	3	Lê Thị Thu Hiền	20CVHH	B3-405	2	Sáng	3	3	—45678901—34567890—
384	31721403	Lí luận dạy học Ngữ Văn	20-0101	2	Lê Thị Thanh Tịnh	20SNV1	B3-102	2	Sáng	4	2	—45678901—34567890—
385	31721490	Ngôn ngữ học xã hội	20-0103	2	Hồ Trần Ngọc Oanh	20SNV1	B3-405	5	Chiều	8	2	—45678901—34567890—

Stt	Mã HP	Tên HP	Nhóm HP	TC	Giảng viên	Lớp HP	Phòng	Thứ	Buổi	Tiết bắt đầu	Số tiết	Tuần
												123456789012345678901234
386	31721491	Ngôn ngữ và văn hóa	20-0103	2	Lê Đức Luận	20SNV1	A5-403	4	Sáng	4	2	—45678901—34567890—
387	31721557	Phê bình văn học Việt Nam hiện đại	20-0101	2	Nguyễn Thanh Trường	20SNV1	B3-201	4	Chiều	9	2	—45678901—34567890—
388	31721936	Văn bản Hán văn Trung Quốc	20-0101	2	Hoàng Hoài Thương	20SNV1	B3-302	7	Chiều	9	2	—45678901—34567890—
389	31731959	Văn học Đông Âu - Nga	20-0101	3	Vũ Thường Linh	20SNV1	B3-507	7	Chiều	6	3	—45678901—34567890—
390	31741288	Hệ thống thể loại và tác gia tiêu biểu văn học Việt Nam hiện đại 1900 - 1945	20-0101	4	Ngô Minh Hiền	20SNV1	A-301	6	Chiều	6	4	—45678901—34567890—
391	21221904	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	20-0116	2	Nguyễn Hải Như	20SNV1+	B3-402	3	Chiều	6	2	—45678901—34567890—
392	31721403	Lí luận dạy học Ngữ Văn	20-0102	2	Lê Thị Thanh Tịnh	20SNV2	A1-101	4	Sáng	4	2	—45678901—34567890—
393	31721490	Ngôn ngữ học xã hội	20-0104	2	Hồ Trần Ngọc Oanh	20SNV2	B3-405	6	Sáng	3	2	—45678901—34567890—
394	31721495	Ngữ dụng học	20-0102	2	Trịnh Quỳnh Đông Nghi	20SNV2	A1-101	7	Sáng	4	2	—45678901—34567890—
395	31721557	Phê bình văn học Việt Nam hiện đại	20-0102	2	Nguyễn Thanh Trường	20SNV2	B4-03	7	Chiều	6	2	—45678901—34567890—
396	31721936	Văn bản Hán văn Trung Quốc	20-0102	2	Hoàng Hoài Thương	20SNV2	A1-204	7	Sáng	1	2	—45678901—34567890—
397	31731959	Văn học Đông Âu - Nga	20-0102	3	Vũ Thường Linh	20SNV2	A1-102	2	Chiều	8	3	—45678901—34567890—
398	31741288	Hệ thống thể loại và tác gia tiêu biểu văn học Việt Nam hiện đại 1900 - 1945	20-0102	4	Ngô Minh Hiền	20SNV2	A1-102	3	Chiều	6	4	—45678901—34567890—
399	21221904	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	20-0115	2	Nguyễn Hải Như	20SNV2+	B3-202	4	Chiều	8	2	—45678901—34567890—
400	31721403	Lí luận dạy học Ngữ Văn	20-0103	2	Lê Thị Thanh Tịnh	20SNV3	B3-102	7	Sáng	4	2	—45678901—34567890—
401	31721490	Ngôn ngữ học xã hội	20-0105	2	Hồ Trần Ngọc Oanh	20SNV3	A6-302	6	Sáng	1	2	—45678901—34567890—
402	31721491	Ngôn ngữ và văn hóa	20-0105	2	Lê Đức Luận	20SNV3	A6-403	2	Sáng	4	2	—45678901—34567890—
403	31721495	Ngữ dụng học	20-0103	2	Trịnh Quỳnh Đông Nghi	20SNV3	B3-301	2	Tối	11	2	—45678901—34567890—
404	31721936	Văn bản Hán văn Trung Quốc	20-0103	2	Hoàng Hoài Thương	20SNV3	B3-503	6	Chiều	6	2	—45678901—34567890—
405	31731959	Văn học Đông Âu - Nga	20-0103	3	Vũ Thường Linh	20SNV3	B3-507	4	Sáng	1	3	—45678901—34567890—
406	31741288	Hệ thống thể loại và tác gia tiêu biểu văn học Việt Nam hiện đại 1900 - 1945	20-0103	4	Ngô Minh Hiền	20SNV3	A-301	2	Chiều	6	4	—45678901—34567890—
407	31721403	Lí luận dạy học Ngữ Văn	20-0104	2	Lê Thị Thanh Tịnh	20SNV4	B3-507	4	Chiều	9	2	—45678901—34567890—
408	31721490	Ngôn ngữ học xã hội	20-0106	2	Hồ Trần Ngọc Oanh	20SNV4	B3-507	5	Chiều	6	2	—45678901—34567890—
409	31721491	Ngôn ngữ và văn hóa	20-0106	2	Lê Đức Luận	20SNV4	B3-105	4	Chiều	6	2	—45678901—34567890—
410	31721495	Ngữ dụng học	20-0104	2	Trịnh Quỳnh Đông Nghi	20SNV4	B3-507	6	Chiều	6	2	—45678901—34567890—
411	31721557	Phê bình văn học Việt Nam hiện đại	20-0104	2	Nguyễn Thanh Trường	20SNV4	B3-104	7	Sáng	4	2	—45678901—34567890—

Stt	Mã HP	Tên HP	Nhóm HP	TC	Giảng viên	Lớp HP	Phòng	Thứ	Buổi	Tiết bắt đầu	Số tiết	Tuần
												123456789012345678901234
412	31721936	Văn bản Hán văn Trung Quốc	20-0104	2	Hoàng Hoài Thương	20SNV4	B3-507	6	Chiều	8	2	—45678901—34567890—
413	31731959	Văn học Đông Âu - Nga	20-0104	3	Vũ Thường Linh	20SNV4	B3-507	7	Sáng	1	3	—45678901—34567890—
414	31741288	Hệ thống thể loại và tác gia tiêu biểu văn học Việt Nam hiện đại 1900 - 1945	20-0104	4	Ngô Minh Hiền	20SNV4	B3-507	5	Sáng	1	4	—45678901—34567890—
415	31831193	Địa phương học	20-0102	3	Nguyễn Duy Phương	20CLS	B3-305	5	Chiều	6	3	—45678901—34567890—
416	31831432	Luật pháp quốc tế	20-0102	3	Nguyễn Thị Hoài Thương	20CLS	B3-305	6	Sáng	1	3	—45678901—34567890—
417	31831624	Quan hệ giữa các nước lớn sau chiến tranh lạnh	20-0102	3	Lưu Trang	20CLS	B3-304	7	Sáng	1	3	—45678901—34567890—
418	31831625	Quan hệ kinh tế thế giới thời hiện đại	20-0102	3	Lưu Trang	20CLS	B3-105	7	Chiều	8	3	—45678901—34567890—
419	31831626	Quan hệ quốc tế Âu - Mỹ	20-0102	3	Lưu Trang	20CLS	A1-101	2	Chiều	6	3	—45678901—34567890—
420	21221904	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	20-0113	2	Nguyễn Hải Như	20CLS+	B3-202	4	Chiều	6	2	—45678901—34567890—
421	31621549	Pháp luật đại cương	20-0115	2	Nguyễn Thị Kim Tiến	20CLS+	A6-302	6	Chiều	6	2	—45678901—34567890—
422	31721873	Tiếng Việt thực hành	20-0201	2	Trịnh Quỳnh Đông Nghi	20CVNH1	A6-503	7	Sáng	1	3	—4567—01—3—567890—
423	31821156	Ngoại ngữ chuyên ngành 2	20-0201	2	Trương Phước Minh	20CVNH1	A6-503	7	Chiều	6	3	—4567—01—3—567890—
424	31821359	Kiến tập chuyên môn	20-0201	2	Khoa Lịch sử	20CVNH1					2	—567—01—3—567890—
425	31821359	Kiến tập chuyên môn	20-0201	2	Khoa Lịch sử	20CVNH1					3	—4—
426	31821457	Marketing du lịch	20-0201	2	Ngô Thị Hường	20CVNH1	A6-503	5	Chiều	6	3	—4567—01—3—567890—
427	31831037	Các nền văn minh thời cổ trung đại trên đất nước Việt Nam	20-0201	3	Trương Anh Thuận	20CVNH1	A6-402	6	Chiều	6	4	—4567—01—3—567890—
428	31831488	Nghiep vụ khách sạn	20-0201	3	Tô Văn Hạnh	20CVNH1	A6-402	2	Sáng	1	4	—4567—01—3—567890—
429	31831888	Tín ngưỡng và các tôn giáo ở Việt Nam	20-0202	3	Lê Thị Thu Hiền	20CVNH1	A6-402	4	Sáng	1	4	—4567—01—3—567890—
430	21221904	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	20-0206	2	Nguyễn Hải Như	20CVNH1 +	A5-404C	2	Chiều	6	3	—4567—01—3—567890—
431	31721873	Tiếng Việt thực hành	20-0202	2	Trịnh Quỳnh Đông Nghi	20CVNH2	B3-401	5	Chiều	6	3	—4567—01—3—567890—
432	31821156	Ngoại ngữ chuyên ngành 2	20-0202	2	Trương Phước Minh	20CVNH2	B3-203	3	Sáng	1	3	—4567—01—3—567890—
433	31821359	Kiến tập chuyên môn	20-0202	2	Khoa Lịch sử	20CVNH2					2	—567—01—3—567890—
434	31821359	Kiến tập chuyên môn	20-0202	2	Khoa Lịch sử	20CVNH2					3	—4—
435	31821457	Marketing du lịch	20-0202	2	Ngô Thị Hường	20CVNH2	B3-401	6	Sáng	1	3	—4567—01—3—567890—
436	31831037	Các nền văn minh thời cổ trung đại trên đất nước Việt Nam	20-0202	3	Trương Anh Thuận	20CVNH2	B3-401	7	Chiều	6	4	—4567—01—3—567890—
437	31831488	Nghiep vụ khách sạn	20-0202	3	Tô Văn Hạnh	20CVNH2	B3-401	7	Sáng	1	4	—4567—01—3—567890—

Stt	Mã HP	Tên HP	Nhóm HP	TC	Giảng viên	Lớp HP	Phòng	Thứ	Buổi	Tiết bắt đầu	Số tiết	Tuần
												123456789012345678901234
438	31831888	Tín ngưỡng và các tôn giáo ở Việt Nam	20-0203	3	Lê Thị Thu Hiền	20CVNH2	B3-401	6	Chiều	6	4	—4567—01—3—567890—
439	21228904	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	20-0203	2	Nguyễn Hải Như	20CVNHC	A6-401	3	Chiều	8	3	—4567—01—3—567890—
440	31828143	Kiến tập chuyên môn	20-0201	2	Khoa Lịch sử	20CVNHC					3	—4567—01—3—567890—
441	31828155	Tổ chức sự kiện	20-0201	2	Khoa Lịch sử	20CVNHC					2	—4567—01—3—567890—
442	31828160	Tiếng Anh chuyên ngành 2	20-0201	2	Trương Phước Minh	20CVNHC	A6-401	5	Chiều	6	3	—4567—01—3—567890—
443	31838126	Các nền văn minh thời cổ trung đại trên đất nước Việt Nam	20-0201	3	Trương Anh Thuận	20CVNHC	A1-201	2	Chiều	6	4	—4567—01—3—567890—
444	31838136	Tín ngưỡng và các tôn giáo ở Việt Nam	20-0201	3	Lê Thị Thu Hiền	20CVNHC	A5-404B	5	Sáng	1	4	—4567—01—3—567890—
445	31838152	Marketing du lịch	20-0201	3	Ngô Thị Hường	20CVNHC	A5-404B	2	Sáng	1	4	—4567—01—3—567890—
446	31838156	Nghệp vụ khách sạn	20-0201	3	Tô Văn Hạnh	20CVNHC	A6-401	4	Chiều	6	4	—4567—01—3—567890—
447	31821298	Hồ Chí Minh với cách mạng Việt Nam	20-0101	2	Nguyễn Minh Phương	20SLD	A1-102	5	Sáng	4	2	—45678901—34567890—
448	31831791	Thực hành dạy học (tập giảng tại trường sư phạm)	20-0101	3	Đặng Thị Thùy Dương	20SLD	A1-101	2	Sáng	3	3	—45678901—34567890—
449	31841663	Phương pháp dạy học Lịch sử và Địa lí ở trường phổ thông	20-0101	4	Đặng Thị Thùy Dương	20SLD	B3-305	4	Sáng	1	4	—45678901—34567890—
450	31931181	Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam	20-0101	3	Nguyễn Thị Thu Hiền	20SLD	B3-304	3	Sáng	1	3	—45678901—34567890—
451	31931407	Lịch sử chủ quyền lãnh thổ Việt Nam	20-0102	3	Nguyễn Duy Phương	20SLD	A1-102	6	Sáng	1	3	—45678901—34567890—
452	32021355	Kiểm tra đánh giá trong giáo dục	20-0103	2	Lê Thị Hằng	20SLD	A1-203	2	Sáng	1	2	—45678901—34567890—
453	31831033	Các cuộc cải cách ở châu Á thời cận- hiện đại	20-0101	3	Nguyễn Văn Sang	20SLS	B3-105	5	Sáng	1	3	—45678901—34567890—
454	31831569	Phương pháp dạy học lịch sử	20-0101	3	Trương Trung Phương	20SLS	B3-105	6	Sáng	1	3	—45678901—34567890—
455	31831990	Việt Nam và ASEAN	20-0101	3	Nguyễn Văn Sang	20SLS	B3-105	5	Chiều	6	3	—45678901—34567890—
456	31841791	Thực hành dạy học (tập giảng tại trường sư phạm)	20-0101	4	Trương Trung Phương	20SLS	B3-404	3	Sáng	1	4	—45678901—34567890—
457	32021355	Kiểm tra đánh giá trong giáo dục	20-0102	2	Lê Thị Hằng	20SLS	B3-504	4	Sáng	4	2	—45678901—34567890—
458	32021820	Thực hành tâm lý giáo dục	20-0106	2	Lê Thị Duyên	20SLS	B3-504	2	Sáng	4	2	—45678901—34567890—
459	31821484	Nghệ thuật giao tiếp trong kinh doanh du lịch	20-0101	2	Hồ Thị Thuý Hằng	20CDDL1	B3-507	3	Chiều	8	2	—45678901—34567890—
460	31821551	Phát triển du lịch bền vững	20-0103	2	Nguyễn Phú Thắng	20CDDL1	A5-306	4	Sáng	1	2	—45678901—34567890—
461	31831488	Nghệp vụ khách sạn	20-0103	3	Tô Văn Hạnh	20CDDL1	B4-03	5	Chiều	6	3	—45678901—34567890—
462	31921219	Du lịch biển đảo Việt Nam	20-0101	2	Nguyễn Đặng Thảo Nguyên	20CDDL1	B3-304	5	Sáng	4	2	—45678901—34567890—
463	31921913	Tổng quan ngành lưu trú	20-0101	2	Trương Văn Cảnh	20CDDL1	A5-306	6	Sáng	4	2	—45678901—34567890—

Stt	Mã HP	Tên HP	Nhóm HP	TC	Giảng viên	Lớp HP	Phòng	Thứ	Buổi	Tiết bắt đầu	Số tiết	Tuần
												123456789012345678901234
464	31921929	Ứng dụng công nghệ thông tin trong địa lý	20-0101	2	Đặng Thị Kim Thoa	20CDDL1	A5-306	6	Chiều	9	2	—45678901—34567890—
465	31931148	Đánh giá tác động môi trường trong du lịch	20-0101	3	Nguyễn Thanh Tường	20CDDL1	A5-406	4	Sáng	3	3	—45678901—34567890—
466	31821484	Nghệ thuật giao tiếp trong kinh doanh du lịch	20-0102	2	Hồ Thị Thuý Hằng	20CDDL2	B4-04	5	Chiều	7	2	—45678901—34567890—
467	31821551	Phát triển du lịch bền vững	20-0104	2	Nguyễn Phú Thắng	20CDDL2	B3-104	4	Sáng	4	2	—45678901—34567890—
468	31831488	Nghiep vụ khách sạn	20-0104	3	Tô Văn Hạnh	20CDDL2	A5-406	7	Chiều	6	3	—45678901—34567890—
469	31921219	Du lịch biển đảo Việt Nam	20-0102	2	Nguyễn Đặng Thảo Nguyên	20CDDL2	A5-408	3	Chiều	9	2	—45678901—34567890—
470	31921224	Du lịch văn hóa	20-0102	2	Nguyễn Thị Hồng	20CDDL2	B3-305	5	Sáng	4	2	—45678901—34567890—
471	31921913	Tổng quan ngành lưu trú	20-0102	2	Trương Văn Cảnh	20CDDL2	A5-401	6	Chiều	9	2	—45678901—34567890—
472	31921929	Ứng dụng công nghệ thông tin trong địa lý	20-0102	2	Đặng Thị Kim Thoa	20CDDL2	B4-04	6	Sáng	4	2	—45678901—34567890—
473	31931148	Đánh giá tác động môi trường trong du lịch	20-0102	3	Nguyễn Thanh Tường	20CDDL2	B4-04	6	Chiều	6	3	—45678901—34567890—
474	31921019	Bản đồ địa hình và đo vẽ địa hình-GPS	20-0101	2	Nguyễn Văn An	20SDL	B3-201	3	Chiều	9	2	—45678901—34567890—
475	31921171	Địa lí biển Đông	20-0101	2	Nguyễn Thị Kim Thoa	20SDL	B3-105	6	Sáng	4	2	—45678901—34567890—
476	31931179	Địa lí kinh tế - xã hội thế giới 1	20-0101	3	Nguyễn Thị Hồng	20SDL	B3-404	6	Sáng	1	3	—45678901—34567890—
477	31931182	Địa lý kinh tế xã hội Việt Nam 1 (khái quát)	20-0101	3	Nguyễn Thị Thu Hiền	20SDL	B3-404	5	Chiều	6	3	—45678901—34567890—
478	31931190	Địa lý tự nhiên Việt Nam (khu vực)	20-0101	3	Lê Ngọc Hành	20SDL	B3-404	7	Sáng	1	3	—45678901—34567890—
479	31931532	Phân tích chương trình địa lý (Phát triển CTGD)	20-0102	3	Nguyễn Văn Thái	20SDL	B3-404	6	Chiều	6	3	—45678901—34567890—
480	31931568	Phương pháp dạy học Khoa học xã hội (KHXXH)	20-0101	3	Nguyễn Văn Thái	20SDL	B3-404	7	Chiều	6	3	—45678901—34567890—
481	21221904	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	20-0111	2	Nguyễn Hải Như	20SDL+	B3-202	2	Chiều	9	2	—45678901—34567890—
482	32021728	Tâm lý học sáng tạo	20-0101	2	Hồ Thị Thuý Hằng	20CTL1	B3-404	4	Chiều	9	2	—45678901—34567890—
483	32021735	Tâm lý học trí tuệ	20-0101	2	Hồ Thị Thuý Hằng	20CTL1	B3-405	5	Sáng	3	2	—45678901—34567890—
484	32021778	Thực hành chẩn đoán tâm lý	20-0101	2	Lê Mỹ Dung	20CTL1	B3-403	5	Chiều	9	2	—45678901—34567890—
485	32021812	Thực hành phương pháp nghiên cứu tâm lý học	20-0101	2	Lê Mỹ Dung	20CTL1	B3-305	6	Sáng	4	2	—45678901—34567890—
486	32021822	Thực hành tâm lý học 2	20-0101	2	Hồ Thị Thuý Hằng	20CTL1	A1-203	3	Sáng	1	4	—45678901—34567890—
487	32031732	Tham vấn	20-0101	3	Bùi Thị Thanh Diệu	20CTL1	A5-305	6	Sáng	1	3	—45678901—34567890—
488	32041736	Tâm lý học xã hội	20-0101	4	Nguyễn Thị Phương Trang	20CTL1	B4-03	6	Chiều	6	4	—45678901—34567890—
489	21221904	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	20-0114	2	Nguyễn Hải Như	20CTL1+	B3-202	5	Sáng	1	2	—45678901—34567890—